TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: **98**/2024/DS-ST
Ngày 27-9-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Văn Trình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **184**/2024/TLST- DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2024/QĐST-DS ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng TMCP S**

Trụ sở: Lầu 8, số B N, phường H, quận C, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 144/2024/GUQ-CNSH ngày 15/4/2024; Quyết định ủy quyền số ngày 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 Giấy ủy quyền số 165/2024/GUQ-CNSH ngày 15/4/2024): Ông **Trương Đình V**, chức vụ: Chuyên viên.(có mặt)

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP S chi nhánh S1, số B N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng.

-***Bị đơn:*** Anh **Mai Văn Quốc T,** sinh năm: 1999.(vắng mặt)

Địa chỉ: A C, tổ C, phường K, quận C, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ông Trương Đình V trình bày:

Ngày 04/04/2022, anh Mai Văn Quốc T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt

là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh T Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là **50.000.000** đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh T thực hiện 09 lần các giao dịch với tổng số tiền **310,397,774** đồng. Lãi suất áp dụng 2,4%/ tháng, từ ngày 01/11/2022 lãi suất 2,48 %/ tháng (lãi suất trong hạn) và được S2 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 về lãi suất cho vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 274,555,500 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), từ ngày **11/05/2023** Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 27/9/2024, anh Mai Văn Quốc T còn nợ ngân hàng các khoản sau:

- Dư nợ gốc : **53.252.275** đồng.

  Lãi quá hạn : **23.658.788** đồng.

. Tổng cộng nợ gốc và lãi : **76.911.063** đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với anh T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên anh T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu anh Mai Văn Quốc T phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 07/5/2024 là: **67.460.765** đồng (Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng) trong đó tiền nợ gốc là **53.252.275** đồng, tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 07/5/2024 là **14.208.490** đồng và đề nghị Tòa án buộc bị đơn anh T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/5/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và buộc anh T phải chịu toàn bộ án phí và chi phí liên quan khác nếu có.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc anh Mai Văn Quốc T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi được điều chỉnh lại tạm tính đến ngày xét xử 27/9/2024 tổng cộng là **76.911.063** đồng, trong đó:

Dư Nợ gốc : **53.252.275** đồng.

Lãi quá hạn : **23.658.788** đồng.

Và anh Mai Văn Quốc T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

**Bị đơn anh Mai Văn Quốc T đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để anh T trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng tại tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn anh Mai Văn Quốc T.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Mai Văn Quốc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh Mai Văn Quốc T.

Về nội dung:

Đối với yêu cầu trả nợ gốc: 53,252,275 đồng: Ngày 04/04/2022, anh Mai Văn Quốc T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng) với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Tại phần cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng có nội dung "Bằng việc ký Giấy đề nghị, Chủ thẻ và S2 đồng ý tuân thủ ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng và cùng với mẫu đơn này tạo nên một Hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng S2.

Tại Điều 24 của Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S quy định "Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng.."Theo các chứng cứ mà ngân hàng cung cấp: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 310,397,774 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 274.555.500 đồng. Tính đến ngày 27/9/2024 dư nợ gốc của ông T là: 53,252,275 đồng. Từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ ông T không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng. Như vậy, theo bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ như đã viện dẫn nêu trên thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với

S2. Do đó, S2 yêu cầu ông T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trong đó có khoản nợ gốc 53,252,275 đồng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả khoản lãi quá hạn: theo Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ quy định "Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ hạn phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng „.Theo bản tự khai cung cấp thì ngân hàng tính lãi quá hạn được tính trên toàn bộ dư nợ đến hạn bao gồm nợ gốc cộng dồn với các khoản lãi trong hạn và các loại phí. Theo đó Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ lãi quá hạn với số tiền 23,658,788 đồng. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng N1 về việc ban hành Quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng N1 và các tổ chức tín dụng thì "số tiền làm căn cứ để tính lãi là số tiền thực tế đã huy động của khách hàng hoặc số tiền thực tế đã cho khách hàng vay" và theo điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định "Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn". Như vậy thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ về phương pháp tính lãi quá hạn bao gồm cả nợ gốc cộng dồn với khoản lãi trong hạn và các loại phí là trái với quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng N1 và điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 như đã viện dẫn nêu trên. Nên không chấp nhận cách tính lãi suất quá hạn của ngân hàng S2 như trên, đề nghị ngân hàng tính lãi suất quá hạn theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Khoản 15 Điều 4; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S: Buộc anh Mai Văn Quốc T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc là 53,252,275 đồng và tiền lãi quá hạn theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Ngân hàng TMCP S3 chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là 300.000đ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh Mai Văn Quốc T và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai Văn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn anh Mai Văn Quốc T.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án tuyên buộc anh Mai Văn Quốc T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi và gốc tạm tính đến ngày 07/5/2024 là: **67.460.765** đồng (Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng) trong đó tiền nợ gốc là **53.252.275** đồng, tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 07/5/2024 là **14.208.490** đồng và đề nghị Tòa án buộc bị đơn anh T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/5/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và buộc anh T phải chịu toàn bộ án phí và chi phí liên quan khác nếu có.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh Mai Văn Quốc T phải thanh toán tính đến ngày xét xử 27/9/2024 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể: nợ gốc **53.252.275** đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 27/9/2024: **23.658.788** đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu anh T phải thanh toán tính đến ngày xét xử 27/9/2024 là: **76.911.063** đồng.

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Mai Văn Quốc T để triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vẫn không đến Tòa án theo triệu tập do vậy anh T không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 04/04/2022, anh Mai Văn Quốc T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh T Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là **50.000.000** đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh T 09 lần thực hiện các giao dịch với tổng số tiền **310,397,774** đồng. Lãi suất áp dụng 2,4%/ tháng, từ ngày 01/11/2022 lãi suất 2,48 %/ tháng (lãi suất trong hạn) và được S2 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 về lãi suất cho vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 274,555,500 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), từ ngày **11/05/2023** Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 27/9/2024, anh Mai Văn Quốc T còn nợ ngân hàng các khoản sau:

- Dư nợ gốc : **53.252.275** đồng.

Lãi quá hạn : **23.658.788** đồng.

. Tổng cộng nợ gốc và lãi : **76.911.063** đồng

Mặc dù Ngân hàg đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với anh T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên anh T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do anh Mai Văn Quốc T vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên việc Ngân hàng TMCP S chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu anh T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử 27/9/2024 là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Mai Văn Quốc T phải thanh toán tính đến ngày xét xử 27/9/2024 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể: nợ gốc **53.252.275** đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 27/9/2024: **23.658.788** đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu anh T phải thanh toán theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 04/04/2022) tính đến ngày xét xử 27/9/2024 là **76.911.063** đồng.

[2.4] HĐXX thấy: Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP S về việc buộc bị đơn anh Mai Văn Quốc T phải trả khoản lãi quá hạn theo Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ quy định "Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ hạn phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng „.Theo bản tự khai cung cấp thì ngân hàng tính lãi quá hạn được tính trên toàn bộ dư nợ đến hạn bao gồm nợ gốc cộng dồn với các khoản lãi trong hạn và các loại phí. Theo đó Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ lãi quá hạn với số tiền 23,658,788 đồng. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số

652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng N1 về việc ban hành Quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng N1 và các tổ chức tín dụng thì "số tiền làm căn cứ để tính lãi là số tiền thực tế đã huy động của khách hàng hoặc số tiền thực tế đã cho khách hàng vay" và theo điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định "Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn". Như vậy thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ về phương pháp tính lãi quá hạn bao gồm cả nợ gốc cộng dồn với khoản lãi trong hạn và các loại phí là trái với quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng N1 và điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 như đã viện dẫn nêu trên. Nên việc Ngân hàng tính lãi suất qúa hạn đối với số tiền được tính từ ngày 11/5/2023 cho đến ngày xét xử 27/9/2024 là **1.093.680** đồng [được tính đối số tiền nợ lãi, nợ phí tổng cộng: 1.279.880 đồng + 440.899 đồng + 50.000 đồng = 1.770.799 đồng x (2,48%/tháng x 150%) x 505 ngày= 1.770.799 đồng x 0,122301%/1 ngày x 505 ngày = 1.093.680 đồng] là không phù hợp, nên không có cơ sở để chấp nhận đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc anh T phải chịu số tiền lãi quá hạn **1.093.680** đồng mà Ngân hàng đã yêu cầu anh T phải trả trong tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử 27/9/2024 là **23.658.788** đồng; HĐXX chỉ chấp nhận buộc anh T trả số tiền nợ gốc **53.252.275** đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 27/9/2024 là **22.565.108** đồng (**23.658.788** đồng -**1.093.680** đồng = **22.565.108** đồng);

[2.5] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 357, 428,429,463,466,468,470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 9 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng N1 và điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1.

-Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với anh Mai Văn Quốc T về việc buộc anh Mai Văn Quốc T phải thanh toán số tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 11/5/2023 cho đến ngày xét xử 27/9/2024 là **1.093.680** đồng (Một triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, sáu trăm tám mươi đồng); (được tính đối số tiền nợ lãi, nợ phí tổng cộng: 1.279.880 đồng + 440.899 đồng + 50.000 đồng = 1.770.799 đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với anh Mai Văn Quốc T về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

+ Buộc anh Mai Văn Quốc T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 27/9/2024 tổng cộng là **75.817.383** đồng (Bảy mươi lăm triệu, tám trăm mười bảy ngàn, ba trăm tám mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là **53.252.275** đồng; nợ lãi tính đến ngày xét xử 27/9/2024: **22.565.108** đồng.

+ Kể từ ngày 28/9/2024, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử

dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa anh Mai Văn Quốc T với Ngân hàng TMCP S ngày 04/04/2022 cho đến khi anh T thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.6] Án phí dân sự sơ thẩm:

-Anh Mai Văn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **3.790.869đ** (Ba triệu, bảy trăm chín mươi ngàn, tám trăm sáu mươi chín đồng).

- Ngân hàng TMCP S phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm do không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp **1.686.519đ** (Một triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm mười chín đồng) theo biên lai thu số 0001718 ngày 09/7/2024 (biên lai thu trực tuyến số 000001442066 ngày 05/7/2024) tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ. Ngân hàng TMCP S được hoàn trả số tiền **1.386.519đ** (Một triệu, ba trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm mười chín đồng).

[2.7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị:

Đối với yêu cầu trả nợ gốc: 53,252,275 đồng: Ngày 04/04/2022, anh Mai Văn Quốc T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng) với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Tại phần cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng có nội dung "Bằng việc ký Giấy đề nghị, Chủ thẻ và S2 đồng ý tuân thủ ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng và cùng với mẫu đơn này tạo nên một Hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng S2.

Tại Điều 24 của Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S quy định "Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng.."Theo các chứng cứ mà ngân hàng cung cấp: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 310,397,774 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 274.555.500 đồng. Tính đến ngày 27/9/2024 dư nợ gốc của ông T là: 53,252,275 đồng. Từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ ông T không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng. Như vậy, theo bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ như đã viện dẫn nêu trên thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với S2. Do đó, S2 yêu cầu ông T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trong đó có khoản nợ gốc 53,252,275 đồng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả khoản lãi quá hạn: theo Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ quy định "Việc không thanh

toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ hạn phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng „.Theo bản tự khai cung cấp thì ngân hàng tính lãi quá hạn được tính trên toàn bộ dư nợ đến hạn bao gồm nợ gốc cộng dồn với các khoản lãi trong hạn và các loại phí. Theo đó Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ lãi quá hạn với số tiền 23,658,788 đồng. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng N1 về việc ban hành Quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng N1 và các tổ chức tín dụng thì "số tiền làm căn cứ để tính lãi là số tiền thực tế đã huy động của khách hàng hoặc số tiền thực tế đã cho khách hàng vay" và theo điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định "Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn". Như vậy thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ về phương pháp tính lãi quá hạn bao gồm cả nợ gốc cộng dồn với khoản lãi trong hạn và các loại phí là trái với quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng N1 và điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 như đã viện dẫn nêu trên. Nên không chấp nhận cách tính lãi suất quá hạn của ngân hàng S2 như trên, đề nghị ngân hàng tính lãi suất quá hạn theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Khoản 15 Điều 4; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S: Buộc anh Mai Văn Quốc T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc là 53,252,275 đồng và tiền lãi quá hạn theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Ngân hàng TMCP S3 chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là 300.000đ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 357, 428,429,463,466,468,470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

-Khoản 2 Điều 9 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng N1; Điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I.Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với anh Mai Văn Quốc T về việc buộc anh Mai Văn Quốc T phải thanh toán số tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 11/5/2023 cho đến ngày xét xử 27/9/2024 là **1.093.680** đồng (Một triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, sáu trăm tám mươi đồng); (được tính đối số tiền nợ lãi, nợ phí tổng cộng: 1.279.880 đồng + 440.899 đồng + 50.000 đồng = 1.770.799 đồng).

II. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với anh Mai Văn Quốc T về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

- Buộc anh Mai Văn Quốc T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 27/9/2024 tổng cộng là **75.817.383** đồng (Bảy mươi lăm triệu, tám trăm mười bảy ngàn, ba trăm tám mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là **53.252.275** đồng; nợ lãi tính đến ngày xét xử 27/9/2024: **22.565.108** đồng.

Kể từ ngày 28/9/2024, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa anh Mai Văn Quốc T với Ngân hàng TMCP S ngày 04/04/2022 cho đến khi anh T thanh toán xong khoản nợ gốc.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

-Anh Mai Văn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **3.790.869đ** (Ba triệu, bảy trăm chín mươi ngàn, tám trăm sáu mươi chín đồng).

- Ngân hàng TMCP S phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm do không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp **1.686.519đ** (Một triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm mười chín đồng) theo biên lai thu số 0001718 ngày 09/7/2024 (biên lai thu trực tuyến số 000001442066 ngày 05/7/2024) tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ. Ngân hàng TMCP S được hoàn trả số tiền **1.386.519đ** (Một triệu, ba trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm mười chín đồng).

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Ngân hàng TMCP S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Mai Văn Quốc T vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

Tôi xin cung cấp cho Tòa án một số nội dung sau:

Ngày 19/4/2017, ông Huỳnh Thanh Tú có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông Tú vay theo hình thức tín chấp; thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 30/4/2017 đến ngày 30/4/2020; lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông Tú vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên chúng tôi khởi kiện buộc ông Tú phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Số tiền ông Tú đã rút qua thẻ trong 4 lần, cụ thể:

Ngày 31/5/2017 rút số tiền 19.016.000đ

Ngày 31/7/2017 rút số tiền 500.000đ

Ngày 31/12/2017 rút số tiền 2.709.401đ

Ngày 31/01/2018 rút số tiền 357.800đ

Tổng cộng nợ gốc ông Tú đã vay thể hiện qua các lần rút tiền trong tài khoản là 22.633.201đ;

Quá trình vay, ông Tú đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 8.300.000đ. Cụ thể vào các ngày: Ngày 30/6/2017 trả 1.000.000đ; ngày 31/7/2017 trả 1.300.000đ; ngày 30/9/2017 trả 2.000.000đ; ngày 30/11/2017 trả 2.000.000đ; ngày 31/01/2018 trả 2.000.000đ.

Tuy nhiên hiện nay số tiền nợ gốc ông Tú phải trả cho Ngân hàng là: 21.401.662đ (gồm 14.333.201đ tiền đã rút từ tài khoản và 7.068.461đ tiền nợ lãi bị chuyển sang thành nợ gốc theo cam kết tại thỏa thuận vay)

Về số tiền lãi ông Tú phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chúng tôi là: 10.165.760đ số tiền lãi này được tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 27/8/2019 trong đó lãi trong hạn là 6.099.456đ; lãi quá hạn là 4.066.304đ.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh Tú phải trả cho Ngân hàng số tiền: 27.447.614đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm mười bốn đồng) trong đó tiền nợ gốc là 21.401.662đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/12/2018 là 6.045.952đ và đề nghị ông Tú phải thanh toán tiếp số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/12/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 27/8/2019(ngày xét xử) thì số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Tú phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: 21.401.662đ ; Nợ lãi: 10.165.760đ (lãi trong hạn là 6.099.456đ, lãi quá hạn là 4.066.304đ) Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Tú phải thanh toán là: 31.567.382đ.